

ASEAN VÀ ĐÔNG Á TRONG CHIẾN LƯỢC KINH TẾ ĐỐI NGOẠI CỦA LIÊN BANG NGA

Báo cáo của GS. L.Zevin, Viện Kinh tế, Viện Hàn lâm khoa học Nga tại Hội thảo quốc tế "Cơ chế và giải pháp thúc đẩy quan hệ Nga - ASEAN trong hai thập niên đầu thế kỉ XXI", Matxcova, tháng 9/2006.

I. Nga và ASEAN - những thách thức toàn cầu của thế kỉ XXI

Sang đầu thế kỉ 21 cả LB Nga và các nước ASEAN đều phải xác định vị thế của mình trong quá trình toàn cầu hoá và khu vực hoá diễn ra nhanh và phức tạp, tìm kiếm giải pháp thích hợp để đáp ứng với những thách thức ngày càng gia tăng. Những định hướng nhằm giải quyết vấn đề này bao gồm:

- Giảm bớt sự khác biệt của đất nước về mức độ thu nhập, trình độ khoa học công nghệ và bảo đảm thông tin;

- Giảm bớt thất nghiệp và tìm kiếm những biện pháp bảo đảm mức lao động cao, bền vững. Mô thức đối với nền kinh tế thế giới trong kỷ nguyên hướng tới mô hình phát triển xuất khẩu toàn cầu trong trường hợp tối ưu cho phép duy trì mức độ lao động cao, còn trên thực tế thường dẫn tới giảm bớt việc làm;

- Điều tiết sự lưu chuyển xuyên quốc gia của các dòng vốn, mà vừa tạo ra nguồn đầu tư bảo đảm tăng trưởng kinh tế, vừa tạo ra

những nguồn tài chính không tin cậy, dễ bị tổn thương bởi các cú sốc từ bên ngoài làm giảm bớt khả năng sử dụng chúng vào các lĩnh vực sản xuất và dịch vụ để tạo ra công việc mới, đặc biệt là trong các nước "thị trường non trẻ";

- Giảm bớt sự mất công bằng của bản thân quá trình toàn cầu hoá, hiện đang ở mức báo động về việc phân hoá mạnh mẽ trong tốc độ tăng trưởng của các quốc gia và đặc biệt là sự khác biệt về mức thu nhập của các nước giàu và nước nghèo đang ngày càng gia tăng trong quá trình toàn cầu hoá. Tranh luận về bối cảnh toàn cầu hoá được tập trung trong việc hình thành "một cấu trúc kinh tế thế giới mới" với trọng tâm là cải tổ lĩnh vực tài chính của nó. Vì vậy nhiệm vụ quan trọng của các nước SNG và ASEAN là củng cố vị thế của mình trong thương mại cũng như phân công lao động quốc tế.

Phân tích sự phát triển của nền kinh tế thế giới trong 3 - 4 thập niên gần đây cho phép khẳng định rằng một trong những hướng thích ứng hiệu quả nhất của các nước

ngoại vi đối với xu thế toàn cầu hoá kinh tế là hình thành nên các nhóm liên kết khu vực. Sử dụng hiệu quả về qui mô, gia tăng sự cạnh tranh trong một khối liên kết thống nhất và có lưu lượng ngoại thương tối ưu trong trường hợp bảo vệ thành công được quá trình liên kết tạo ra các xung lực cho tăng trưởng kinh tế, nâng cao tính bền vững đối với các tác động bên ngoài, củng cố được vị trí theo thoả thuận trong các quan hệ với các đối tác khu vực hàng đầu và trong cấu trúc toàn cầu. Một điều không kém phần quan trọng là trong khuôn khổ thống nhất sẽ xuất hiện các khả năng bổ sung để giải quyết các vấn đề thiết thực như cải thiện chất lượng tăng trưởng của các nước thành viên, duy trì và tăng thêm việc làm, cải thiện cuộc sống, giảm đói nghèo v.v..

Giai đoạn hiện nay trên lãnh thổ của Liên bang Xô viết trước đây và các nước Đông Nam Á đã hình thành nên hai nhóm liên kết: Liên kết kinh tế Á - Âu và ASEAN. Cả hai đều đang ở những giai đoạn đầu của quá trình phát triển, vì thế hiện nay sự hợp tác giữa các nước của hai nhóm này hầu như tồn tại tương đối gần với sơ đồ hai chiều "các nước Liên kết kinh tế Á - Âu và các nước ASEAN". Liên quan tới sơ đồ này, đã bắt đầu có cuộc đối thoại giữa Nga và ASEAN mà đương nhiên sẽ thu hút các nước trong liên minh Á - Âu khác như Kazacstan, Belorussia, Kigizia, Tagikistan và Uzbekistan, với dân số vượt hơn 200 triệu người. Dung lượng của thị trường, lãnh thổ, các nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, nguồn vốn lao động

trình độ cao cho phép tham gia vào hiện đại hoá cơ cấu kinh tế của các nước thành viên, tạo ra xung lực để tăng cường các hoạt động kinh tế đối ngoại sang hướng đông. Các nước liên minh kinh tế Á - Âu, nơi tập trung phần lớn các tiềm lực kinh tế của SNG, đương nhiên sẽ trở thành những đối tác chính của ASEAN trong không gian hậu Xô viết.

Phân tích hiện trạng trong ASEAN và SNG (trước hết là Liên minh Á - Âu) cho phép rút ra một số kết luận:

Trước hết, hai khối này có thị trường bên trong đủ lớn, theo các lí thuyết chung, điều này cho phép sử dụng hiệu ứng độ lớn của thị trường - một ưu thế quan trọng của liên kết khu vực. Đáng tiếc là trong cả hai nhóm liên kết này, ưu thế này chưa đưa lại những tác động tích cực cũng như tăng cường việc củng cố vị thế của mình trên thế giới. Xem xét cả hai khu vực liên kết kinh tế này, chúng ta thấy được khá rõ một khuynh hướng chung: giảm bớt tỷ lệ thương mại nội Khối, đồng thời giảm vị thế trong xuất khẩu quốc tế. Những sai lệch riêng lẻ không làm thay đổi bức tranh chung. Đồng thời, đây là khiếm khuyết chung tạo nên một môi trường để cùng hợp tác và trao đổi kinh nghiệm với mục đích khắc phục những xu hướng không thuận lợi.

Thứ hai, cả ASEAN và SNG (cũng như với Liên minh Á - Âu) trong các hoạt động kinh tế của mình đều có xu hướng ưu tiên đối với các đối tác ngoài khu vực của mình. Xu thế như vậy về nguyên tắc tạo nên những điều kiện thuận lợi trong việc dịch chuyển

Liên kết Á - Âu về phía đông và ASEAN về phía tây trên cơ sở "khuôn khổ song phương "quốc gia - quốc gia" cũng như khuôn khổ đa phương "quốc gia- liên kết khu vực" và giữa các "liên kết khu vực".

Thứ ba, cả hai không gian kinh tế (ASEAN và Liên kết Á - Âu) chịu tác động mạnh mẽ của các trung tâm quyền lực thế giới mà trước hết là Mỹ, EC và Trung Quốc. Trong triển vọng trước mắt, rõ ràng đây là những đối tác kinh tế, thương mại chính của cả ASEAN và Liên kết Á - Âu.

Thứ tư, một thực tế hiển nhiên là trong cả hai nhóm liên kết đều không tồn tại sự quan tâm và khuyến khích nhằm giảm bớt các tác động kinh tế trong khuôn khổ liên minh liên quan tới thương mại ngoài khu vực. Cả hai nhóm nước này đều hoặc mới bắt đầu hoặc ở trong giai đoạn phát triển công nghiệp. Nhiệm vụ trước mắt của những nước này là hiện đại hoá (ở một số nước là xây dựng) hàng loạt các lĩnh vực cơ bản để hình thành nên các tổ hợp kinh tế quốc dân có thể tồn tại được và tổ chức không gian liên kết kinh tế hiệu quả trong khu vực dựa trên những lợi thế của mình.

Trong bối cảnh này các nước ASEAN cần thiết đối với nước Nga như một thị trường tiêu thụ bổ sung và phương tiện để khôi phục lĩnh vực chế tạo máy, trong đó có cả công nghiệp quốc phòng. ASEAN cũng cần tới Nga như một trong những nguồn cung cấp các thiết bị công nghiệp đối với các ngành cơ bản và hình thành tối ưu các tổ hợp

kinh tế quốc dân cũng như trong nhóm liên kết nói chung.

Thứ năm, nhằm tăng cường liên kết kinh tế với các nước Đông Á trong đó có ASEAN, phía Nga có những động lực mạnh mẽ cả về địa - chính trị và địa - kinh tế. Phần lớn lãnh thổ nước Nga - từ Ural tới Thái Bình Dương, đang giảm dân số, không có hệ thống quyền lực vững chắc, dễ bị chia cắt thành các vùng cát cứ. Vấn đề trầm trọng nhất ở đây là phải làm sao khôi phục lại tiềm năng công nghiệp của đất nước. Trong thời đại toàn cầu hoá gia tăng, các nguồn tài nguyên thiên nhiên giàu có mà vẫn là các vùng lạc hậu sẽ không thể tránh khỏi trở thành đối tượng mà các cơ cấu kinh tế khu vực và toàn cầu siêu quyền lực nhòm ngó. Vì vậy trong triển vọng trung hạn 10-15 năm tới cần tăng cường phát triển công nghiệp ở vùng Viễn Đông bằng cách xây dựng cơ sở hạ tầng và các tổ hợp công nghiệp, kinh tế lớn.

Tính hiện thực của các dự án lớn phụ thuộc vào việc thực hiện các điều kiện: thu hút đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài, thu hút lao động từ các vùng trong nước và từ nước ngoài, tạo nên thị trường tiêu thụ không chỉ ở trong nước mà ở cả nước ngoài. Có thể thấy rằng ASEAN + 3 dường như đang tích cực tham gia vào cả ba yêu cầu trình bày ở trên.

Giai đoạn hiện nay, nước Nga đang xử lý những đề xuất về việc phân bổ dân cư sang các khu vực của Viễn Đông. Vấn đề ở chỗ là di dời dân cư sang khu vực thưa dân này đến 18 triệu dân và xây dựng các điều kiện nhằm

biển nơi đây thành địa điểm hấp dẫn dân cư đến sinh sống. Nguồn cung cấp nhân lực là các vùng trung tâm của đất nước, các nước có biên giới gần và cả từ Trung Quốc, Hàn Quốc và cả Nhật Bản.

Thứ sáu, đánh giá một cách lạc quan về sự tăng trưởng thực sự khối lượng thương mại và các quan hệ kinh tế khác giữa Nga với các nước ASEAN dựa trên những thay đổi mới xảy ra trong thời gian gần đây, trong 15 năm qua: Malaixia, Thái Lan (và cả Philipin) thực sự thay đổi cơ cấu kinh tế cũng như xuất khẩu của mình, Singapo đã trở thành một trung tâm tài chính thương mại không chỉ ở khu vực mà của cả thế giới, Brunei thì vẫn như trước đây, là đất nước khai thác và bán dầu thô, Việt Nam và Indônexia đang là những nền sản xuất đang lên và là thị trường có nhiều tiềm năng. Tất cả những điều này đang mở ra khả năng cho các nước ASEAN tham gia vào thương mại hàng hoá, dịch vụ, đầu tư vào Liên bang Nga. Cả hai phía đang đứng trước công việc lớn lao nhằm tìm kiếm sự trùng hợp lợi ích trong khu vực trong hiện tại, triển vọng trung hạn và dài hạn. Theo quan điểm của chúng tôi, nhiệm vụ chung của cả hai bên chính là không để xảy ra sự phụ thuộc bất đối xứng vào các trung tâm quyền lực kinh tế toàn cầu và khu vực.

Như vậy, với những lập luận trên rõ ràng là có khả năng liên kết kinh tế trong khuôn khổ "Nga - ASEAN". Tuy nhiên điều này chưa đủ để biến đổi các bên trở thành bạn hàng quan trọng của nhau. Theo ý kiến của chúng tôi, tình hình sẽ thay đổi nhiều nếu

diễn ra những tích cực trong quá trình liên kết ASEAN + 3 hoặc ở một cơ chế gần như vậy. Hiện nay, chưa thể nói một cách chi tiết về những thông số của hợp tác kinh tế trong khuôn khổ xem xét vì các điều kiện mà trên đó hình thành nên khu vực thương mại tự do ASEAN + 3 và vị thế cũng như sự tương tác của nó với LB Nga và các nước SNG là vẫn chưa rõ ràng. Phần nhiều vẫn sẽ phụ thuộc vào phía Nga: liệu Nga có khôn ngoan trong việc sử dụng vị trí địa lý của mình giữa châu Á và châu Âu, và những tiềm năng to lớn mà cho đến bây giờ vẫn chưa được sử dụng trong lĩnh vực này, hạn chế việc dựa vào hệ thống quan hệ giữa hai trung tâm kinh tế của thế giới. Trong năm năm tới ở đây có thể thực hiện hai dự án lớn về mạng lưới hạ tầng. Thứ nhất là nâng cao tỷ lệ của Nga trong việc vận tải giữa hai châu lục Á - Âu, điều này đòi hỏi không chỉ nâng cao khả năng vận chuyển xuyên Xibiri mà còn phải nâng công suất các cảng của Nga, mở rộng khả năng chuyên chở của đội tàu Nga. Dự án thứ hai liên quan tới việc xây dựng đường ống dẫn dầu Tây Xibiri - Thái Bình dương, với công suất tới 80 triệu tấn, và xây dựng hai tuyến vận chuyển khí đốt từ Tây Xibiri và Đông Xybiri sang Trung Quốc, với công suất khoảng 80 tỷ m³ năm.

Phân tích những xu thế sau 15 năm và tác động của hai dự án lớn trên đây tạo cơ sở để tính toán rằng nếu cả hai phía Nga và ASEAN không có những giải pháp cụ thể thì sẽ xảy ra sự tập trung quá lớn hợp tác kinh tế Nga với ASEAN qua các nước thành viên mới của khu vực mậu dịch tự do, cho đến khi

xuất hiện sự chênh lệch thương mại trong quan hệ với ASEAN 10. Rõ ràng là ngay từ bây giờ các chính phủ, các doanh nghiệp và giới khoa học phải tìm các giải pháp trung hoà các tác động này.

II. Triển vọng hợp tác kinh tế của Nga với các nước ASEAN

Xác định tình trạng kinh tế của LB Nga trong phân tư đầu của thế kỉ 21 là một công việc đầy tranh cãi. Nhìn chung đa số ủng hộ xu hướng tăng tốc phát triển kinh tế, nhưng ngay cả với ý kiến này sự đồng thuận cũng rất hạn chế. Trong những điều kiện chưa hoàn tất giai đoạn chuyển đổi, việc tranh luận về tương lai của đất nước, về khả năng khôi phục vị thế cường quốc, duy trì toàn vẹn lãnh thổ của mình là hoàn toàn tự do thoải mái. Trong khuôn khổ của dự án này, chúng tôi cố gắng chứng tỏ rằng quan hệ hợp tác kinh tế giữa Nga và ASEAN và ASEAN+3 phát triển phụ thuộc vào động thái phát triển của giới lãnh đạo và xã hội Nga.

Cần phải quan niệm rằng câu trả lời chính xác cho vấn đề này sẽ có được không sớm thì muộn, nhưng không thể sớm hơn khi kết thúc thập kỉ đầu của thế kỉ 21. Động lực phát triển trong thập kỉ đầu này, hiển nhiên là tổ hợp năng lượng - nhiên liệu và sự phân chia đầu tiên. Trong những năm đầu thế kỉ 21 ba loại hàng hoá (dầu, khí đốt và sản phẩm dầu) đã vượt qua hơn nửa tổng khối lượng xuất khẩu, trên 5 danh mục (thêm đá quý và kim loại hiếm, nhôm nguyên liệu) chiếm tới 60% và đến 10 danh mục (thêm kim loại sơ chế, nikel, kim loại cán kéo, gỗ nguyên liệu,

than đá v.v...) chiếm tới 66%. Trong khi đó khối lượng lớn ngoại tệ thu được từ xuất khẩu trên thực tế vẫn chưa được sử dụng vào việc hiện đại hoá các lĩnh vực khác nhằm tạo ra khả năng cạnh tranh mới cho nền sản xuất.

Xuất hiện một tình huống thú vị là: Sự bùng phát của năng lượng nhiên liệu trong nền kinh tế Nga là sự khiếm khuyết nghiêm trọng nhưng đồng thời lại trở thành cơ sở trong thời gian trung hạn để thực hiện thúc đẩy hợp tác kinh tế với các nước ASEAN và đặc biệt trong khuôn khổ ASEAN + 3. Các nước Đông Nam Á và các nước Đông Á, theo như các dự báo, sẽ đóng vai trò chính trên thị trường năng lượng thế giới do duy trì tốc độ phát triển cao. Nói một cách khác, trong giai đoạn hiện nay xuất hiện cơ sở để mở rộng hợp tác thương mại và đầu tư: ASEAN +3 cần những dự trữ năng lượng và Nga lại đang tìm kiếm khả năng mở rộng thị trường xuất khẩu khi mà việc xuất khẩu sang phía châu Âu Đại Tây dương đã trở nên quá gẫn bó. Tuy nhiên cần phải thấy rằng sau triển vọng trung hạn dự trữ sẽ gẫn với tới mức cạn kiệt, và các bên sẽ phải tìm kiếm các yếu tố khác để khuyến khích hợp tác kinh tế với nhau.

Phía nước Nga hiện cũng xuất hiện những vấn đề nghiêm trọng: Nước Nga rất yếu kém trong việc thâm nhập thị trường máy móc và công nghệ cao của thế giới. Trong những năm 1980 "sản phẩm Xô viết" cho phép duy trì tỷ trọng máy móc, thiết bị giao thông vận tải và các sản phẩm công nghiệp khác xuất khẩu ở mức 25%, nhưng đến giai đoạn chuyển giao thế kỉ, giảm

xuống chỉ còn 10-12% (trong đó khoảng 5% là vũ khí và kĩ thuật quân sự).

Rất tiếc là cho đến nay tình hình chưa có gì thực sự thay đổi. Sau giai đoạn chuyển đổi tỷ lệ của lĩnh vực năng lượng nhiên liệu trong tổng đầu tư vào công nghiệp nói chung tăng không nhiều, còn lĩnh vực chế tạo máy và chế biến kim loại thì giảm đi. Tổng đầu tư trong hai ngành này về số lượng thấp hơn 8 lần so với công nghiệp nhiên liệu.

Những số liệu này chứng tỏ rằng nước Nga chưa bắt đầu (và nếu đã bắt đầu thì còn rất chậm chạp) chu kì phát triển năng động của tổ hợp máy xây dựng và liên quan với nó là các lĩnh vực có khả năng cạnh tranh trên thị trường thế giới.

Sự gián đoạn trong quan hệ với các nước ASEAN có thể khắc phục chỉ trong điều kiện tích cực giải quyết các nhiệm vụ kinh tế chính của đất nước.

Trong suốt 10-15 năm qua, chúng ta trở thành nhân chứng của giai đoạn tụt trọng của lĩnh vực chế tạo máy và công nghệ cao tăng trưởng rất chậm chạp trong quan hệ với các nước ASEAN. Dường như các nhà lãnh đạo hiểu được sự cần thiết phải thúc đẩy thực hiện các chính sách công nghiệp năng động, phải thực sự hiện đại hoá nền kinh tế, vượt qua căn bệnh nguyên nhiên liệu và đưa nước Nga tham gia vào nền kinh tế thế giới. Không giải quyết được các vấn đề này nước Nga không thể tìm được vị trí của mình trong khu vực Đông Nam Á. Việc hiện thực hoá kịch bản nêu ra trên đây (theo quan điểm của

chúng tôi là hiện thực) cho phép đưa ra một số tính toán rằng trong thời gian trung hạn các nước ASEAN sẽ không chỉ duy trì vị thế của mình trong lĩnh vực công nghiệp và công nghệ cao của thị trường Nga, mà còn củng cố chúng.

Những xu thế hiện nay sẽ trở thành một trong những yếu tố liên kết những mối quan tâm nhằm duy trì và phát triển sự hợp tác thương mại và đầu tư.

Vị thế có thể còn thay đổi trong vòng 20 năm tới. Vào tháng 10/ 2005 Bộ Phát triển Kinh tế và Thương mại Liên bang Nga đã soạn thảo dự án chiến lược kinh tế đối ngoại Liên bang Nga cho tới năm 2025. Nội dung của văn bản này cho rằng cho tới thời điểm xem xét cuối cùng của việc Nga trở thành thành viên thứ 7 của tổ chức các quốc gia thương mại hùng mạnh và thành viên thứ 10 của tổ chức các nhà xuất nhập khẩu vốn khổng lồ thì vai trò của các sản phẩm công nghệ cao và dịch vụ xuất khẩu chúng chiếm 25%. Nhằm đạt được những tiêu chí này (hoặc là gần được), trong quá trình chờ đợi sự thay đổi của ASEAN, không còn nghi ngờ gì nữa cần phải có một xung lực mới cho sự liên kết kinh tế “Nga - ASEAN” và tiếp cận cơ cấu của họ bằng các tiêu chí của nền kinh tế thế giới trên toàn cầu.

III. Xuất phát điểm

Ở phần II đưa ra những lý giải cho khả năng phát triển mối quan hệ kinh tế giữa các nước ASEAN trong khuôn khổ ASEAN-10 và ASEAN+3. Trong vòng từ 10-15 năm tới họ sẽ đẩy mạnh sự phát triển, gia tăng về

chất lượng qua việc dần dần nâng cao vai trò hàng hoá có giá trị gia tăng và công nghệ phức tạp hơn. Dường như sự đa dạng hoá về xuất khẩu sẽ làm thoả mãn cả hai phía. Tuy nhiên sẽ khác nhau về nội dung. Rõ ràng, các nước ASEAN sẽ tập trung vào làm đa dạng hàng hoá tiêu dùng, công nghệ thông tin, sản phẩm công nghiệp, một số dạng thiết bị công nghiệp và phụ tùng ô tô, còn Nga sẽ là những lĩnh vực đòi hỏi tính chuyên sâu như các ngành công nghiệp hàng không và vũ trụ,

thiết bị luyện kim, năng lượng nhiệt-thủy điện, năng lượng nguyên tử, một số mặt hàng công nghiệp nặng và máy xây dựng, vật liệu mới... So sánh hai cơ chế xuất khẩu cho thấy những tiềm năng nổi trội khác nhau của hai phía đã bổ sung lẫn nhau. Nếu như cả hai bên đi đến được những thoả thuận cho việc củng cố liên kết thì trước mặt con đường thông thương, đầu tư, hợp tác khoa học kỹ thuật sẽ được rộng mở.

Bảng 1: Thương mại giữa các nước ASEAN và Nga (triệu USD)

	Nhập khẩu						Xuất khẩu					
	I	II	III	IV	V	VI	I	II	III	IV	V	VI
Thái Lan	94	78	81	150	274	300	332	376	315	503	584	1022
Việt Nam	115	123	194	187	160	91	246	240	376	501	492	777
Malaysia	70	75	131	171	251	407	289	191	136	174	191	469
Indônesia	34	57	62	66	110	154	50	110	141	151	100	234
Singapo	139	135	133	174	250	375	132	227	291	318	276	323
Philippin	-	-	-	-	14	19	-	-	-	-	345	378
Mianma	0,2	10	12	11,7	29	15	0,8	4,08	2,48	96,7	11,72	25,51
Lào	0,7	0,4	0,3	0,15	0,14	0,22	4,89	1,68	4,13	4,41	2,45	7,13
Campuchia	0,86	-	0,4	0,16	0,55	2,18	8,23	0,1	2,83	0,22	1,08	1,69
Brunei	-	-	-	-	0,25	-	0,11	-	-	-	-	-

Ghi chú: I- 1999, II- 2000, III- 2001, IV- 2002, V- 2003, VI- 2004.

Nguồn: "Direction of Trade Statistic Yearbook", International Monetary Fund (IMF), Yearbook 2005, BIKI số 14 tháng 1/2006 BK

Từ những số liệu trên đây có thể đưa ra một số kết luận sau:

- Sau 11 năm (từ 1991 đến 2001) trì trệ và mất cân đối trong trao đổi thương mại, từ năm 2002 đã có dấu hiệu phục hồi và có xu hướng tăng trưởng, năm 2001 sự lưu thông

hàng hoá đạt 1,9 tỷ USD; 2002- 2,1 tỷ USD; 2003- 3,3 tỷ USD; 2004- 4,4 tỷ USD.

- Còn tồn tại những gián đoạn nghiêm trọng giữa xuất khẩu và nhập khẩu của Nga: Sự thực là nhập khẩu luôn luôn ổn định và tăng trưởng. Có thể sự bất cân đối nặng của

cán cân xuất nhập khẩu sẽ dẫn đến việc kìm hãm sự tăng trưởng trong hợp tác kinh tế.

- Mức độ lưu thông hàng hoá đạt được không thể hiện sự thoả đáng. Vai trò của Nga trong trao đổi ngoại thương với các nước ASEAN (2004) chiếm 0,3%, còn các nước ASEAN với Nga chỉ là 1,7% (1,3% vào năm 2001).

- Về sự tích cực trong trao đổi thương mại giữa Nga và ASEAN được chia làm 2 nhóm - nhóm "bộ tứ" lớn (Thái lan, Malaysia, Indônêxia và Philippin) và nhóm "bộ tam" bé hơn và ít phát triển hơn là Mianma, Lào, Campuchia. Việt Nam, Singapo, Brunei do hàng loạt nguyên nhân chỉ đứng ở vị trí trung bình bị cuốn hút bởi khối lượng trao đổi thương mại của nhóm "bộ tứ" (chỉ trừ Brunei).

Chiếm vị trí tiên phong trong xuất khẩu của Nga là kim loại và các sản phẩm luyện kim, hàng hoá nhiên liệu - năng lượng (chiếm 71,7% tổng khối lượng xuất khẩu của các nước ASEAN). Đối với loại hàng hoá có giá trị gia tăng cao chiếm khoảng 22,1%. Điều này không thể thấp hơn những chỉ số, có cân nhắc đến mức độ phát triển của nền kinh tế Nga và tiềm năng của chúng. Đồng thời nó cũng đề cao vai trò của các sản phẩm tương xứng, trong đó có máy móc và thiết bị. Xuất khẩu của Nga vào khu vực châu Mỹ Latinh còn có ý nghĩa hơn, có triển vọng tăng trưởng hơn.

Cơ chế nhập khẩu của Nga cho phép khẳng định rằng xuất khẩu của các nước

ASEAN vào Nga cân bằng hơn, lương thực và các sản phẩm nông nghiệp - 53,4%, máy móc, trang thiết bị và phương tiện vận chuyển - 33,8%.

Những số liệu này cho thấy những tiềm năng to lớn của cả hai phía hoàn toàn có thể đáp ứng được cơ cấu thương mại của nhau, cũng như mở rộng qui mô khối lượng trao đổi chúng. Dự tính rằng việc triển khai nhiệm vụ này cần được ưu tiên giải quyết trong khoảng thời gian 5 năm tới đây. Triển khai thêm hoạt động đầu tư và hợp tác khoa học kỹ thuật, xây dựng cơ sở hạ tầng giao thông thiết yếu tạo điều kiện hợp tác kinh tế với bên ngoài, đáp ứng những đòi hỏi của thế kỷ XXI.

Đóng vai trò chủ chốt trong phát triển mới quan hệ hợp tác kinh tế với các nước ASEAN (đặc biệt là trong khuôn khổ ASEAN+3) sẽ thuộc về khu vực Đông Xibiri và vùng Viễn Đông của Nga. Ngay từ bây giờ vùng Viễn Đông đã ưu tiên cao độ cho khu vực Đông Bắc Á hơn là thị trường Nga^x. Hai vùng này của Nga sẽ trở thành những thành viên được xem xét tích cực trong dự án cung cấp nguồn nhiên liệu vùng phía Đông nước Nga và Đông Bắc Á, hạ tầng cơ sở giao thông giữa các châu lục, trong đó có cầu côngtenno giữa châu Âu và châu Á.

Việc thực hiện hai dự án lớn này hoàn toàn phù hợp với điều kiện thực tế. Thống nhất với một số đánh giá rằng nhu cầu của khu vực Đông Bắc Á về nguồn nhiên liệu cho

^x V.I.Ishaev. *Nước Nga trong thế giới toàn cầu*, Khabaropsk, Năm 2003, trang 166.

tới năm 2010 sẽ tăng gấp đôi so với 10 năm trước đây, còn vùng Viễn Đông của Nga lại dư thừa nhiên liệu: trước hết là dầu và khí đốt, trong vòng 10 năm cuối có thể đạt được 108 triệu thùng trong khi nhu cầu trong nước chỉ là 50 triệu thùng, còn việc xuất khẩu điện năng sẽ đạt được vào khoảng 3 tỷ kw/h^{xx}. Việc vận chuyển xuyên Xibiri đã làm giảm thời gian vận tải tới 25-30%, phía Nga thì thu được ngoại tệ, còn các nước tiếp nhận ở châu Á và châu Âu giảm được chi phí vận chuyển qua việc đẩy nhanh thời gian cung cấp hàng hoá.

Đồng thời cho thấy rằng sự phát triển hợp tác về Tổ hợp Năng lượng nhiên liệu trong lĩnh vực xây dựng hạ tầng cơ sở giao thông không chỉ là mục đích tự thân của phía Nga mà nó còn nằm trong khuôn khổ chiến lược thực hiện đa dạng hoá xuất khẩu và nâng cao chất lượng xuất khẩu bằng việc tiếp tục thu hút cho hoạt động xuất khẩu những đối tượng sản xuất cao cấp hơn, nghĩa là nâng cao mức độ gia công sơ bộ nguyên liệu, chuyển dịch theo mắt xích nguyên liệu - sản phẩm trung gian - thành phẩm.

Hợp tác giữa Nga và ASEAN+3 trong tương lai trong quan hệ ngoại thương nói chung phụ thuộc rất nhiều vào hình thành sự cạnh tranh ưu việt của một mô hình tài nguyên - sáng tạo mới, làm nền tảng cho sự phối hợp mọi hình thức cạnh tranh trên mọi cấp độ sẵn có của nền kinh tế (nguồn tài nguyên thiên nhiên cho phép, nhân công rẻ và có trình độ, cơ sở hạ tầng công nghiệp

phát triển, tiềm năng khoa học - kỹ thuật và tri thức cao). Phát triển mối quan hệ đối ngoại trong phạm vi hình thức này thể hiện sự sáng tạo đa dạng xuất khẩu của Nga, hậu thuẫn cho việc hiện đại hoá các mặt hàng xuất khẩu. Không có cách tiếp cận này trong quan hệ với các nước ASEAN thì thương mại của Nga sẽ không tránh khỏi sự đình trệ. Theo đánh giá của Ngân hàng Thế giới, năm 2001 Nga xuất khẩu sản phẩm công nghệ cao thấp hơn Philippin 6 lần, so với Malaysia và Hàn Quốc 12 lần và Trung Quốc là 15 lần^x. Những số liệu này đã thừa nhận mối quan tâm của Nga đến những mặt hàng nhập khẩu công nghệ cao và dịch vụ từ những nước nói trên, nhưng đồng thời cũng phải nói đến vị trí không thoả đáng của chúng so với những nước xuất khẩu sản phẩm và dịch vụ. Rõ ràng, tương lai của mối quan hệ kinh tế giữa Nga với ASEAN 10 và ASEAN+3 sẽ **phụ thuộc rất nhiều vào khả năng đa dạng hoá cơ cấu của nền kinh tế và xuất khẩu của mình, cũng như việc điều chỉnh quan hệ hợp tác đầu tư với nhau**. Trong mối quan hệ với các nước ASEAN cần phải khắc phục sự chuyên môn hoá quá mức xuất khẩu của Nga đối với mặt hàng kỹ thuật và vũ khí quân sự, chuyển sang xuất khẩu những sản phẩm máy móc kỹ thuật dành cho mục đích dân sự. Đáp ứng bối cảnh này là lời đề nghị từ phía Việt Nam về việc cùng tổ chức hợp tác đẩy mạnh sản xuất tại Việt Nam trang thiết bị dành cho nhà máy điện vừa và nhỏ.

^{xx} như trên, trang 55, 222

^x *World Development Indications*. The World Bank. 2003, trang 302-304.

Các công ty của Nga không tận dụng khả năng phát triển hợp tác sản xuất - đầu tư với các nước ASEAN, lĩnh vực hoạt động này chỉ bó hẹp đối với Việt Nam và một khu vực quốc phòng nhỏ của Malaysia. Về tiềm năng phát triển kinh tế của các nước Đông Nam Á, đã quen với sự thiếu thốn về vốn đầu tư nước ngoài của nền sản xuất, phải nói đến khả năng hợp tác trong lĩnh vực dầu khí với các ngành rộng lớn, bắt đầu từ công việc thăm dò địa chất, hàng loạt các ngành chế biến, ví dụ việc tổ chức sản xuất những trang thiết bị hiện đại đối với những doanh nghiệp nhỏ (có thể hợp tác với các nước phương Tây). Có định hướng hợp tác khoa học - kỹ thuật trong tương lai, hợp tác sản xuất một số chương trình đáp ứng cho lĩnh vực khoa học.

IV. Những biện pháp có thể thực hiện từ phía Nga trong việc phát triển hợp tác với các nước ASEAN

1. Giữa các nước ASEAN còn tồn tại những khoảng cách về mức độ phát triển cũng như chưa kết thúc quá trình liên kết chia lợi ích tổ chức hợp tác với họ làm hai phe. Đồng thời không loại trừ khả năng xảy ra những thay đổi của liên minh này, rất có thể trong tương lai là sự tham gia của phía Nga trong hàng loạt các dự án liên kết. Cách giải quyết dễ dàng như đã nói ở trên sẽ là khả năng điều chỉnh mối quan hệ giữa ASEAN và hợp tác kinh tế Á - Âu.

2. Triển khai vai trò thành viên mới trong hoạt động kinh tế đối ngoại - các công ty và tập đoàn, các tổ chức chuyên nghiệp, hình thành các vùng và tiểu vùng cần phải có

những tính toán chính xác và cân nhắc đầy đủ những mối quan tâm của các chủ thể kinh tế để đưa ra những phương án hợp tác với ASEAN. Với mục tiêu này quan trọng là nâng cao mức hoàn trả thực tế từ các đại diện Nga và đối tác của họ qua tổ chức chính thức hay phi chính thức, liên kết đại diện giới kinh doanh, các tổ chức phi chính phủ, khu vực và hành chính địa phương các nước ASEAN.

3. Mối quan tâm của các khu vực, các chủ thể kinh tế, các đại diện kinh doanh vừa và nhỏ đòi hỏi phải hình thành một hệ thống thông tin đầy đủ và đáng tin cậy về kinh tế, tài chính và điều kiện luật pháp của các hoạt động kinh tế ở các nước ASEAN, xu hướng kinh tế và tình hình chính trị của họ, về những hãng và công ty quan tâm đến hợp tác. Một hệ thống như vậy phải có cơ sở dữ liệu về các đối tác Nga, để đáp ứng những chất vấn tương tự của các đối tác tiềm năng từ các nước ASEAN. Để cho hợp lý cần có sự trao đổi thông tin thường xuyên trên cơ sở mối quan tâm tương đương cơ chế của ASEAN, để hoạt động có thể là nhờ vào quỹ Nga-ASEAN hay phòng thương mại - công nghiệp.

4. Mức độ hiện nay của hợp tác kinh tế - thương mại Nga và các nước Đông Á, kể cả ASEAN không giải đáp phương hướng chiến lược của Nga trong sự cân bằng phát triển quan hệ kinh tế đối ngoại với Tây và Đông. Sự mất cân bằng này trước hết sẽ làm đình trệ sự phát triển kinh tế của vùng Viễn Đông và Đông Xibiri. Một trong những con đường ổn định hoá là đa dạng hoá mối quan hệ địa

kinh tế - thương mại để tập trung cao độ trong việc hạn chế con số đối tác (chiếm hơn 75% trao đổi thương mại với các nước APEC là Trung Quốc, Mỹ và Nhật Bản; Trong thương mại với các nước ASEAN cơ cấu địa lý có đa dạng hơn, chiếm mức cao nhất là Malaysia, Việt Nam, Indônêxia).

5. Trong viễn cảnh trung hạn, chiến lược kinh tế đối ngoại của Nga là mở rộng xuất khẩu hàng hoá và dịch vụ truyền thống mà Nga đang chiếm ưu thế cạnh tranh trên thị trường khu vực Châu Á - Thái Bình Dương cũng như trên thị trường riêng của từng nước. Đó là nhiên liệu, kim loại đen - màu và quý hiếm, phân bón, gỗ kinh tế, xenlulô cũng như dự trữ không gian giống như một nhà nước liên lục địa Á- Âu của mình. Nga trở thành một trong những nhà xuất khẩu năng lượng và thiết bị điện năng khổng lồ, xuất khẩu trong phạm vi thoả thuận về xây dựng các đối tác năng lượng của AEC, trang bị và kỹ thuật chuyên môn, sản phẩm cùng dịch vụ của ngành tên lửa-vũ trụ, các dịch vụ giao thông. Song cũng cần mở rộng cạnh tranh với phía các nước phát triển và đang phát triển, Trung Quốc cũng có lợi thế ở hầu hết các lĩnh vực này, ngoại trừ xuất khẩu năng lượng.

6. Triển vọng thực tế là đẩy mạnh xuất khẩu năng lượng cùng với những dự án lớn ở khu vực Viễn Đông và vùng Đông Xibiri, không chỉ định hướng cho hoạt động tăng trưởng xuất- nhập khẩu mà còn phát triển tổ hợp năng lượng với Đông Bắc Á. Bước đi đầu tiên cho định hướng này có thể là hình thành những thị trường khí hoá lỏng và hệ thống

nhà máy điện Nga - Đông Bắc Á. Đi tiên phong trong quan hệ hợp tác này là Nhật Bản. Các công ty Nhật đã bỏ ra 1 tỷ USD cho dự án đầu khí "Xakhalin-1" và "Xakhalin-2" và dự tính tiếp tục đầu tư thêm 8,5 tỷ USD nữa. Vào năm 2007, trong khuôn khổ dự án "Xakhalin-2" dự tính sẽ xây dựng một nhà máy khí hoá lỏng lớn nhất thế giới với công suất 9,6 triệu thùng/năm. Bắt đầu từ năm 2007, 4 công ty của Nhật đã đặt mua 3,5 triệu thùng mỗi năm, vì vậy hợp đồng với hai nhà tiêu thụ khí khổng lồ được ký kết trong thời hạn từ 22-24 năm. Một đối tác đáng tin cậy khác nữa của khí hoá lỏng Xakhalin là Hàn Quốc, họ dự tính đầu tư vào Xakhalin-2 khoảng 20 tỷ USD, người đứng ra đầu tư là nhà nước và các công ty tham gia dự án, các tổ chức tài chính quốc tế và các ngân hàng của họ. Người mua khí đốt Xakhalin có thể là Trung Quốc. Trong tương lai sẽ là dự án Xakhalin-1. Xakhalin với khí hoá lỏng có tiềm năng cạnh tranh lớn trên thị trường Châu Á - Thái Bình Dương, nơi mà tổng khối lượng bán ra hàng năm tăng 5%.

Việc thực hiện hai dự án cung cấp khí đốt lớn "Tây Xibiri - Thái Bình Dương" và hai tuyến Tây- Đông Xibiri cho Trung Quốc đã đưa sự hợp tác về lĩnh vực nhiên liệu-năng lượng giữa Nga và các nước Đông Bắc Á lên một cấp độ mới, mang lại sự củng cố về an ninh năng lượng cho Nga cũng như các nước này.

7. Ở các nước châu Á trông chờ vào sự gia tăng sản xuất năng lượng điện từ các nhà máy điện nguyên tử. Chỉ có Ấn Độ và Trung

Quốc vào những năm 90 do Nga ký kết thoả thuận về hợp tác xây dựng nhà máy điện nguyên tử trước thời hạn nên đã xây dựng được thêm 15 nhà máy. Hầu hết ở các nước Đông Á, Đông Nam Á và Nam Á đều dự định trong vòng 10 năm tới xây dựng 39 lò phản ứng hạt nhân. Để đạt được kết quả trên thị trường có mức độ cạnh tranh cao này cần phải có một sự đầu tư khổng lồ và phải chịu những rủi ro thương mại và những rủi ro nghiêm trọng khác nữa. Trong tương lai gần sự định hướng hợp lý không chỉ là mở rộng đối tác mới mà đồng thời phải mở rộng qui mô hợp tác với những đối tác cũ - Ấn Độ, Trung Quốc, Việt Nam và nâng cao hiệu quả hoạt động của chúng.

Giữ vai trò quan trọng trong sự đi lên của thị trường đối ngoại là sự hậu thuẫn tài chính của nhà nước. Năm 2004, để thực hiện dự án về năng lượng nguyên tử Nga đã lựa chọn tín dụng của Ấn Độ với tổng giá trị là 86,9 triệu USD^{*}, phần lớn được dành để chi trả cho thiết bị cung cấp của Nga. Dự án năng lượng nguyên tử có cơ hội trở thành vị trí thứ ba trong xuất khẩu của Nga vào Đông Bắc Á (sau năng lượng nhiên liệu và luyện kim).

8. Về việc tăng xuất khẩu các mặt hàng dạng máy móc kỹ thuật thì bước đi quyết định ở đây rất có thể là sự thay đổi tận gốc rễ cơ cấu của riêng ngành công nghiệp Nga. Tuy nhiên việc tăng một số mặt hàng xuất khẩu máy móc vào các nước ASEAN còn phụ thuộc vào những yếu tố tích cực như xây dựng những công ty tiêu thụ và mạng lưới

dịch vụ của Nga, tổ chức sản xuất lắp ráp. Cách đây không lâu các doanh nghiệp Nga đã chủ động theo hướng này chống chọi lại những khó khăn để nhận được những quyết định đầu tư cho những nhà đầu tư nước ngoài với chế độ kiểm soát và điều hành ngoại tệ. Hiện nay những trở ngại này đã được dỡ bỏ.

9. Vấn đề quan trọng trong xuất khẩu công nghệ cao vào những năm tới là ưu tiên xuất khẩu vũ khí và kỹ thuật chuyên dụng trong tương lai trung hạn. Tỷ trọng của Nga trên thị trường buôn bán vũ khí thế giới ở những năm gần đây chiếm từ 20-30%, hơn một nửa xuất khẩu vũ khí của Nga sang Trung Quốc và Ấn Độ. Hiện nay Nga đang ráo riết vươn ra thị trường mới của các nước Đông Nam Á và châu Mỹ Latinh. Đối với Đông Nam Á con số thành viên của thị trường vũ khí ngang hàng với Việt Nam và Malaysia có thể là Philippin. Thái Lan dự kiến cũng sẽ là những khách hàng tiềm năng đối với thiết bị công nghệ hàng không và quốc phòng của Nga. Do những điều kiện thuận lợi mà tổng khối lượng vũ khí và kỹ thuật quân sự bán ra của Nga vào các nước Đông Nam Á có thể đạt từ 1-1,5 tỷ USD.

10. Góp phần vào việc mở rộng mối quan hệ kinh tế với các nước ASEAN đã đưa nước Nga gia nhập vào sự phát triển của hệ thống ngân hàng châu Á như một quốc gia Á - Âu. Những thông tin tốt nhất về một vị thế ở châu lục, tham gia vào các chương trình và dự án ngân hàng cụ thể (với vai trò thành viên hoặc bên cho vay) đã tiếp thêm một xung lực mới trên con đường kiếm tìm đối tác, mô hình và cơ chế hợp tác mới.

^{*} Báo Độc lập Nga, 16/7/2004, 27/08/2004.